| | |
|---|---|
| TOÀ ÁN NHÂN DÂN<br>HUYỆN MỘC CHÂU<br>TỈNH SƠN LA | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số **82**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/5/2024.
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

***Với tNnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền.

2. Ông Lường Tiến Quynh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hà Thị Nga, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lường Thị N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản Tong Hán, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Văn L, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Bản Tong Hán, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 16/02/2024, bản tự khai tại Toà án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Lường Thị N trình bày:***

Chị N và anh L kết hôn với nhau vào ngày 29/10/2010. Khi kết hôn đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tô Múa, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với bố mẹ anh L.

Cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L nghiện hút chất ma túy, đã phải đi cai nghiện 3 lần, nhưng vẫn không sửa chữa từ bỏ ma túy được.

Hiện nay chị và anh L đã sống ly thân với nhau từ năm 2020, không ai đi lại thăm hỏi nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị N xin được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Trong quá trình sinh sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Thị Khánh Uyên, sinh ngày 05/8/2011 và cháu Hà Quang Dũng, sinh ngày 20/02/2014, hiện nay hai cháu đang ở với bố mẹ anh L là ông Hà Văn Héo và bà Vì Thị Nguyên và anh L.

Nguyện vọng sau khi ly hôn chị N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu. Chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Không có gì.

- Về vay nợ chung: Không vay nợ ai.

Về án phí: Chị N xin nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra  không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành nguyên tắc xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đúng các nguyên tắc xét xử quy định tại các Điều 11, 12, 15, 17, 24, 25 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thành phần hội đồng xét xử: Đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự, đúng như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Trình tự, thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 239, 243, 247, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều  35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228  Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lường Thị N. Xử cho chị Lường Thị N được ly hôn với anh Hà Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Thị Khánh U, sinh ngày 05/8/2011 và cháu Hà Quang D, sinh ngày 20/02/2014 cho chị Lường Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm xóc giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lường Thị N không yêu cầu nên không đề cập việc giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

3.Về án phí: Chị Lường Thị N phải chị án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

**[1]** Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Văn L không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Nguyên đơn chị N đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan để giải quyết vụ án.

Xác minh với Trưởng bản Tong Hán, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu và bố đẻ anh L được biết.

Đối với thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã được Ban quản lý bản và gia đình đã giao cho anh L nhận đúng thời gian quy định.

Còn việc anh L không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc thì BQL bản Tong Hán và gia đình không biết.

Về tình trạng hôn nhân, sau khi anh L và chị N kết hôn với nhau, anh L và chị N sống chung với bố mẹ đẻ anh L tại bản Tong Hán, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu. Cuộc sống chung của anh L, và chị N hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L nghiện chất ma túy, đã phải đi cai nhiều lần, nhưng sau khi trở về vẫn không từ bỏ được .

Hiện nay hai anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2020.

Về tài sản chung: Không có.

Về vay nợ chung: Đến thời điểm hiện tại không thấy ai đến đòi nợ anh L và chị N.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định anh Hà Văn L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[2]** Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L kết hôn với nhau từ ngày 29/10/2010, có được tìm hiểu việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tô Múa, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Việc kết hôn của hai anh chị đã tuân thủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị N về ở cùng với bố mẹ đẻ anh L tại bản Tong Hán, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L nghiện hút chất ma túy, đã phải đi cai nghiện nhiều lần ( 03 lần) nhưng sau khi trở về lại tiếp tục tái nghiện, do không cải thiện được quan hệ gia đình nên chị N sống ly thân với anh L từ năm 2020, không ai qua lại thăm hỏi nhau nữa.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lường Thị N và xử cho chị Lường Thị N được ly hôn với anh Hà Văn L.

**[3]** Về con chung: Quá trình chung sống hai anh chị có với nhau 02 con chung là cháu Hà Thị Khánh U, sinh ngày 05/8/2011 và cháu Hà Quang D, sinh ngày 20/02/2014.

Tòa án đã ghi ý kiến của hai cháu về việc sau khi chị N và anh L ly hôn, nguyện vọng các cháu ở với bố, hay ở với mẹ. Được biết nguyện vọng của hai cháu đều xin được ở với chị N sau khi chị N và anh L ly hôn.

Xét thấy anh L nghiện hút chất ma túy, việc giao các cháu cho anh L nuôi sẽ không đảm bảo được cuộc sống của hai cháu về mọi mặt. Do vậy cần giao hai cháu cho chị Lường Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm xóc giáo dục hai cháu đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lường Thị N không yêu cầu nên không đề cập việc giải quyết.

**[4]** Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lường Thị N xác định chị và anh L không có tài sản chung và vay nợ chung, do đó Tòa án không xem xét, giải quyết.

**[5]** Về án phí: Chị Lường Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Lường Thị N được ly hôn với anh Hà Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Lường Thị N trực tiếp chăm xóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Hà Thị Khánh U, sinh ngày 05/8/2011 và cháu Hà Quang D, sinh ngày 20/02/2014 đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lường Thị N không yêu cầu nên không đề cập việc giải quyết.

3.Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lường Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000464 ngày 16/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
*- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;*
*- V KS nhân dân huyện Mộc Châu;*
*- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;*
*- UBND xã Tô Múa, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu văn phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

**Đỗ Như Khánh**